

Bản án số: **63/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 21 tháng 08 năm 2024

V/v “Tranh chấp yêu cầu thay đổi
người trực tiếp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Thi Thi**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Cơ**

2. Ông **Nguyễn Công Chi**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỳ Trang- Cán bộ Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu – thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2024, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 221/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2024, về việc “Tranh chấp yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1995; Địa chỉ: **Thôn G, xã P, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức T** – LS Công ty **L** – Chi nhánh **Đ**; địa chỉ: **A D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Võ Dũng C**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **C Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Ông Nguyễn Đức T trình bày:*

Bà **Nguyễn Thị Thanh N** và ông **Võ Dũng C** đăng ký kết hôn với nhau năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã **G** (nay xã **P**), huyện **G**, tỉnh **Quảng Trị**. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng có 01 con chung là cháu **Võ Thị Nhã U**, sinh ngày 17/10/2016.

Do hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly hôn theo bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST ngày 16/5/2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Theo Quyết định của bản án, tòa án đã tuyên giao con cho ông **C** nuôi dưỡng. Nhưng nay bà **Nguyễn**

Thị Thanh N nhận thấy ông Võ Dũng C không còn đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc trông nom nuôi dạy giáo dục cháu, thường xuyên làm việc không có thời gian chăm sóc cháu. Gia đình ông C cũng thường xuyên ngăn cản việc bà N gặp con.

Bà Nguyễn Thị Thanh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cho cháu Võ Thị Nhã U, đề nghị cấp dưỡng nuôi con. Bà N xin trình bày các lý do sau đây:

Thứ nhất, tình trạng chăm sóc bé U bên phía nhà nội: Theo thông tin từ những người thân trong gia đình nhà nội cung cấp, bé U không được chăm sóc chu đáo khi sống tại nhà nội. Cụ thể, qua trao đổi với bà ngoại của ông C, Bà Nguyễn Thị Thanh N được biết rằng bà thường xuyên vào thăm cháu và ở trong nhà với cháu, vì vậy bà đã chứng kiến được những gì xảy ra. Bà P đã kể lại với bà N rằng bé U không chỉ thiếu sự chăm sóc cần thiết mà còn thường xuyên bị mắng mỏ, chửi bới trong thời gian dài từ phía gia đình bên nội. Bé thậm chí không được nằm trên giường mà phải ngủ trên tấm ván trải dưới nền nhà. Gia đình bên nội không chỉ thiếu sự quan tâm mà còn thường xuyên gây áp lực và khó khăn cho bé, khiến bé không nhận được sự bảo vệ và chăm sóc đúng mức. Những người thân của Bà N rất bức xúc và thương xót cho bé U, bà P khuyên Bà N phải nhanh chóng hành động để bảo vệ con, sẵn sàng giúp đỡ trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng bé nếu Bà Nguyễn Thị Thanh N gặp khó khăn. Ngoài ra, dì ruột của ông C là chị Nguyễn Thị H, cũng đã chứng kiến những cảnh tượng đau lòng này. Chị H kể rằng khi ở bên nhà nội, bé U còn bị gọi bằng những từ ngữ xúc phạm. Dù chị H đã cố gắng bênh vực và nói đỡ cho bé U, nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T1 (bà nội của bé U) lại quay sang chửi bới và xúc phạm chị H, càng khiến cho tình hình trở nên căng thẳng và bất công đối với bé. Điều này không chỉ gây tổn thương tinh thần cho bé mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển và tự tin của bé. Những lời lẽ cay nghiệt ấy không chỉ làm tổn thương một đứa trẻ mà còn khiến bé cảm thấy cô đơn và bị bỏ rơi trong chính ngôi nhà của mình. Không những thế, đến cả cô giáo của bé U cũng trao đổi với bà N về tình trạng sống của bé U khi sống bên nhà nội, bé U đã kể cho cô giáo nghe về những sự việc bên nhà nội, cụ thể: Bà nội là người chăm sóc chính cho bé, nhưng có hành động đánh bé khiến bé sợ hãi và bé không muốn về nhà do bị áp lực từ gia đình nội. Hơn thế, bé có biểu hiện buồn bã và sợ hãi khi nói về gia đình nội. Là một người mẹ nhưng bà N phải thông qua cô giáo để biết tình hình của bé. Việc này đòi hỏi bà N phải sớm hành động để bảo vệ bé U khỏi những tổn thương không đáng có và đảm bảo bé được sống trong một môi trường an toàn, yêu thương và chăm sóc tốt nhất.

Thứ hai, hành vi xúc phạm và lăng mạ của ông C: Trong khoảng thời gian bà N ở xa và muốn liên lạc, hỏi thăm con, ông C đã nhiều lần dùng những lời lẽ thô tục và xúc phạm đối với bà N. Cụ thể, khi bà N cố gắng sắp xếp thời gian để được gặp con, ông ấy đã phản ứng mạnh mẽ và thiếu tôn trọng, dùng những từ ngữ không phù hợp và có những hành vi xúc phạm và lăng mạ bà N qua các tin nhắn, gây tổn thương tinh thần nghiêm trọng cho bà N. Những lời lẽ này không chỉ xúc phạm trực tiếp bà N mà còn tạo ra một môi trường căng thẳng và tiêu cực, ảnh hưởng không tốt đến tâm lý của bé U.

Thứ ba, sự hỗ trợ tài chính của Bà Nguyễn Thị Thanh N dành cho bé U: Trong thỏa thuận ly hôn ban đầu, giấy tờ không yêu cầu bà N phải trợ cấp cho bé U. Tuy nhiên, thực tế bà N vẫn gửi tiền về chu cấp cho bé trong một thời gian ngắn khi ông C còn cho phép bà N liên lạc với con. Dù không có nghĩa vụ pháp lý, bà N luôn mong muốn đảm bảo bé

U có được cuộc sống tốt đẹp và đầy đủ nhất.

Trong khoảng thời gian đó, bà **N** đã đều đặn gửi tiền để hỗ trợ cho bé, với mong muốn bé có thể nhận được sự chăm sóc và giáo dục tốt nhất. Tuy nhiên, khi ông **C** cắt đứt liên lạc và ngăn cản bà **N** hỏi thăm con, việc chu cấp của bà **N** cũng bị gián đoạn.

Điều này chứng minh rằng, dù không bắt buộc theo pháp lý, bà **N** luôn đặt lợi ích và sự phát triển của bé **U** lên hàng đầu. Chính vì vậy, bà **N** mong rằng Tòa án sẽ xem xét lại quyền nuôi dưỡng bé, để có thể trực tiếp chăm sóc, bảo vệ và đảm bảo bé có môi trường sống an toàn, yêu thương và phát triển toàn diện.

Thứ tư, thực trạng tài chính và trách nhiệm của ông **C** trong việc chăm sóc và giáo dục bé **U**: Mặc dù ông **C** đang được quyền nuôi con, nhưng thực tế ông **C** không có đủ khả năng tài chính để lo cho bé. Mọi chi phí và việc chăm sóc cho bé đều phụ thuộc hoàn toàn vào sự trợ cấp của bà nội. Dù trên danh nghĩa là bố đang chăm sóc, nhưng thực tế chính bà nội mới là người nuôi dưỡng cả hai cha con. Thêm vào đó, ông **C** đã xin bà **N** đóng góp số tiền 16.000.000 đồng để bé **U** có thể học tiếng Anh tại trung tâm. Cả hai đã thỏa thuận chia đôi số tiền này, mỗi người đóng góp một nửa vào việc học của bé, với hy vọng bé sẽ nhận được một môi trường học tập tốt hơn. Tuy nhiên, qua trao đổi trực tiếp với bé, bà **N** được biết rằng bé chỉ đi học tại trường và không tham gia bất kỳ lớp học thêm nào khác. Điều này đồng nghĩa với việc số tiền mà Bà **Nguyễn Thị Thanh N** đã đóng góp không được sử dụng đúng mục đích. Không những thế, ông **C** còn vay bà **N** số tiền 20.000.000 đồng để sử dụng mục đích cá nhân, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa thể trả. Điều này càng làm rõ ràng sự thiếu trách nhiệm và sự thiếu trung thực trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng bé **U**. Thực tế này không chỉ làm bà **N** thất vọng mà còn khiến bà **N** lo lắng về sự thiếu minh bạch và trách nhiệm của ông **C** trong việc chăm sóc và giáo dục con. Ngoài ra, trong quá trình nuôi con, do mâu thuẫn với bà nội, ông **C** đã gửi bé **U** cho dì là chị **Nguyễn Thị Lệ H1** (chị ruột Bà **Nguyễn Thị Thanh N**) (địa chỉ: **1 P, H, Đà Nẵng**, số điện thoại: **0349883261**) chăm sóc, nuôi dưỡng suốt nửa năm, từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 6 năm 2023. Điều này cho thấy ông **C** không thực sự quan tâm đến việc chăm sóc con một cách trực tiếp và liên tục. Đến tháng 7 năm 2023, ông **C** nói sẽ dẫn bé đi chơi, nhưng sau đó lại cắt đứt hoàn toàn mọi liên lạc với dì và bà **N**, không cho phép bất kỳ ai gặp hay liên lạc với bé nữa. Việc này không chỉ chứng minh ông **C** thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng bé **U** mà còn cho thấy ông không đảm bảo được sự ổn định và an toàn cần thiết cho sự phát triển của con.

Thứ năm, vi phạm nghiêm trọng quyền được gặp gỡ, chăm sóc con: Sau khi bé **U** trở về bên nội, dì chỉ liên lạc được với bé hai lần tại trường. Tuy nhiên, sau đó, gia đình bên nội đã gây khó khăn với nhà trường, cấm không được qua thăm bé, khiến dì không thể liên lạc với bé nữa. Dù bà **N** ở xa, gia đình bên nội cũng không tạo điều kiện cho đi đến nhà thăm bé. Nên dì phải thay bà **N** đến trường để gặp bé, nhưng vẫn bị nhà trường gây khó dễ, không cho phép vào thăm. Từ khi trở về Việt Nam đến nay, bà **N** đã rất nhiều lần yêu cầu được gặp con, đón con đi chơi nhưng phía nhà nội và ông **C** đã liên tục cản trở việc này. Bà **N** đã nhiều lần đến nhà nội để gặp bé, nhưng lần nào cũng không được gặp, không được đón con đi chơi bất cứ lần nào. Gọi điện thoại cho cả bố và bà nội của bé đều không nhận được phản hồi. Thậm chí, trong lần gần đây nhất, sau buổi hòa giải, buổi tối ngày 18/7/2024 và buổi sáng ngày 19/7/2024, bà **N** đã đến nhà ông **C** để xin

được thăm bé **U**, xem xét tài liệu chứng cứ tại Tòa, mặc dù đã được Thẩm phán giải thích rõ về quyền, nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con, bà **N** xin phép được gặp con thêm một lần nữa nhưng cũng không được chấp nhận. Những hành động này chứng minh sự cản trở liên tục từ phía gia đình bên nội và thiếu sự quan tâm thực sự của bố trong việc chăm sóc và duy trì mối quan hệ giữa mẹ và bé. Đây là hành vi cản trở quyền trông nom, chăm sóc con của Bà **Nguyễn Thị Thanh N**, gây ảnh hưởng đến tâm lý và tình cảm của mẹ con. Điều này càng làm rõ ràng sự cần thiết của việc xem xét lại quyền nuôi dưỡng bé **U** để đảm bảo bé được sống trong môi trường an toàn, yêu thương và phát triển toàn diện.

Thứ sáu, về vấn đề tài chính của bản thân Bà **Nguyễn Thị Thanh N**: Hiện nay, bà **N** đã về nước, có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, trong trường hợp được giao quyền nuôi con, Bà **N** hoàn toàn có khả năng nuôi con. Ngoài ra, việc làm hiện tại của bà **N** là nhân viên văn phòng tại **Công ty TNHH MTV T2** với mức lương 6.000.000/tháng. Công việc chỉ trong giờ hành chính nên bà **N** có nhiều thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Bên cạnh đó, bà **N** có nguồn thu nhập thụ động từ việc đầu tư số tiền 177.427.000đ vào **công ty TNHH MTV T3**, mã số doanh nghiệp: 0401899419, theo đó, mỗi tháng đều nhận 5.000.000đ/ tháng. Ngoài ra, do đi làm tại nước ngoài nhiều năm, nên bà **N** có thể dịch thuật tiếng Nhật cũng như buôn bán hàng qua mạng, mỗi tháng khoảng 3.000.000đ – 5.000.000đ. Tổng thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000đ.

Sau phiên hòa giải lần thứ nhất, buổi tối ngày 18/7/2024 và buổi sáng ngày 19/7/2024, bà **N** đã đến nhà ông **C** để xin được thăm bé **U** nhưng gia đình ông **C** đã ngăn cản không cho bà **N** thăm gặp con.

Từ những lý do nêu trên, bà **Nguyễn Thị Thanh N** đề nghị HĐXX xem xét và giải quyết cho bà **N** được giành quyền nuôi con, đề nghị cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng nhằm đảm bảo cho bé **U** có một môi trường sống tốt hơn, được chăm sóc và yêu thương đầy đủ.

* **Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N**: Đồng ý với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và không trình bày bổ sung gì thêm.

* **Bị đơn ông Võ Dũng C trình bày**:

Ông **Võ Dũng C** xác nhận bà **Nguyễn Thị Thanh N** và ông **Võ Dũng C** đăng ký kết hôn với nhau năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã **G** (nay xã **P**), huyện **G**, tỉnh **Quảng Trị**. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng có 01 con chung là cháu **Võ Thị Nhã U**, sinh ngày 17/10/2016.

Vợ chồng đã ly hôn theo bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST ngày 16/5/2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh **Quảng Trị**. Theo Quyết định của bản án, tòa án đã tuyên giao con cho ông **C** nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông **Võ Dũng C** không đồng ý vì những lý do sau: Bà **N** muốn được nuôi dưỡng bé **U** nhưng hiện nay bà không có nhà, không có công việc ổn định và không có thu nhập để tồn tại. Bản thân ông **C** và gia đình không hề có hành vi ngăn cản bà **N** thăm nom, chăm sóc con cái như bà **N** trình bày. Ông **C** vẫn luôn sẵn sàng để bà **N** thăm nom, chăm sóc con. Bây giờ bé **U** đã đủ 07 tuổi và đã học xong lớp 2, cháu đang học ổn định tại trường **D** và được ông **C** và gia đình

chăm sóc chu đáo. Nguyên vọng của ông C vẫn tiếp tục nuôi con và không cần bà N cấp dưỡng nuôi con.

* Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Cháu Võ Thị Nhã U, sinh ngày 17/10/2016 hiện nay đang sinh sống tại số nhà C Đ, tổ I phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Cháu sống cùng ba ruột là ông Võ Dũng C và bà nội là bà Nguyễn Thị Thanh T1. Cuộc sống sinh hoạt của cháu U diễn ra bình thường, không bị ba hay người nhà đánh đập gì.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N đối với bị đơn ông Võ Dũng C.

Giao con chung là cháu Võ Thị Nhã U, sinh ngày 17/10/2016 cho ông Võ Dũng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, bị đơn ông Võ Dũng C có cư trú tại quận L, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Võ Dũng C đăng ký kết hôn với nhau năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã G (nay xã P), huyện G, tỉnh Quảng Trị. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng có 01 con chung là cháu Võ Thị Nhã U, sinh ngày 17/10/2016.

Do hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly hôn theo bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST ngày 16/5/2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Theo Quyết

định của bản án, tòa án đã tuyên giao con cho ông C nuôi dưỡng. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nay bà Nguyễn Thị Thanh N nhận thấy ông Võ Dũng C không còn đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc trông nom nuôi dạy giáo dục cháu, thường xuyên làm việc không có thời gian chăm sóc cháu. Gia đình ông C cũng thường xuyên ngăn cản việc bà N gặp con. Bà Nguyễn Thị Thanh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cho cháu Võ Thị Nhã U, đề nghị cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N đã gửi đến Tòa án nhiều văn bản trình bày cũng như những đoạn video clip ngắn, những file hình ảnh thể hiện nhiều tin nhắn trao đổi giữa ông C bà N cũng như bà N với cô giáo của con chung và những thành viên khác trong gia đình. Bà N cho rằng ông Võ Dũng C không còn đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc trông nom nuôi dạy giáo dục cháu Nhã U, thường xuyên làm việc không có thời gian chăm sóc cháu, không đảm bảo tài chính, bỏ bê cháu và ngăn cản bà N thăm con. Xét thấy, từ khi cháu N1 U ra đời cho đến nay đều cùng chung sống với ba ruột là ông Võ Dũng C. Năm 2020 khi cháu N1 Uyên 04 tuổi bà N đã đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Đáng lý ra ở lứa tuổi còn quá nhỏ, lại là con gái, Nhã U rất cần sự chăm sóc, yêu thương từ cha mẹ (đặc biệt là người mẹ), thế nhưng bà N vẫn để con gái lại cho ba chăm sóc và đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản. Bà N cho rằng mục đích đi xuất khẩu lao động để mua nhà nhưng đến nay bà N vẫn chưa có nhà cửa ổn định. Ông C hiện tại có thu nhập khoảng gần 15 triệu đồng/tháng, nhà cửa ổn định, bé Nhã U cũng đang đi học tại trường D, bé có một cuộc sống sinh hoạt bình thường, vui vẻ và hạnh phúc; bản thân bé cũng có nguyện vọng được sống cùng với ba. Việc thay đổi nề nếp sinh hoạt hiện tại sẽ làm ảnh hưởng rất nhiều đến tâm sinh lý của con chung.

Tại các đoạn clip mà bà N gửi đến Tòa án thể hiện mỗi lần đến thăm con, bà N đều được gia đình ông C cho vào nhà, chứ không phải đóng cửa ngăn cấm. Ngoài ra qua xác minh tại địa phương thể hiện: Cháu Võ Thị Nhã U, sinh ngày 17/10/2016 hiện nay đang sinh sống cùng ba ruột là ông Võ Dũng C và bà nội là bà Nguyễn Thị Thanh T1. Cuộc sống sinh hoạt của cháu U diễn ra bình thường, không bị ba hay người nhà đánh đập gì.

Do đó, căn cứ vào các điều kiện về vật chất, tinh thần, thời gian và hoàn cảnh sống của các bên, HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao con chung là cháu Võ Thị Nhã U, sinh ngày 17/10/2016 cho ông Võ Dũng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14;

1. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N đối với bị đơn ông Võ Dũng C.

Giao con chung là cháu Võ Thị Nhã U, sinh ngày 17/10/2016 cho ông Võ Dũng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000727 ngày 06/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND P.Hoà Minh, q.Liên Chiểu;
- Hồ sơ vụ án.

Trần Nguyễn Thi Thi

